TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK SONG** **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/DS-ST
Ngày 12-8-2021
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK SONG, TỈNH ĐĂK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Mã Thị Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang và ông Hoàng Minh Hải.

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên toà : Ông Nguyễn Trọng Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 610/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62b/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2021, số: 116a/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt là Ngân hàng B).

Trụ sở: Tháp B, 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phước L – Phó Giám đốc phòng giao dịch Đ (*Văn bản ủy quyền ngày 17-8-2020*) – Có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 38, N, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Lê Gia D và bà Đào Thị P – Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01-12-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26-12-2017, ông Lê Gia D và bà Đào Thị P đã vay vốn tại Ngân hàng B số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*), theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/5422671/HĐTD ngày 26-12-2017; mục đích vay là chăm sóc cà phê, chăm

sóc tiêu, trồng tiêu mới và vay tiêu dùng; thời gian vay: 12 tháng kể từ ngày 26-12-2017 đến ngày 26-12-2018; lịch trả nợ vay như sau:

+ Nợ gốc: Trả 01 lần khi đến hạn.

+ Nợ lãi: 03 tháng/lần vào ngày 15 của tháng thuộc kỳ trả nợ.

Để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn, ông Lê Gia D và bà Đào Thị P thế chấp Quyền sử dụng đất (viết tắt là QSDĐ) đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 55, diện tích 17.290m^2, tọa lạc tại Thôn 5 A3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lăk (nay là Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông), theo Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số W 836495, do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ cấp ngày 25-6-2003, đứng tên hộ ông Lê Gia D.

Việc thế chấp tài sản được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2013/HĐTC ngày 22-4-2013, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 23-4-2013; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 24-4-2013.

Kể từ sau khi vay đến ngày 26-12-2018 ông Lê Gia D và bà Đào Thị P mới trả lãi cho ngân hàng số tiền: 40.193.151 đồng. Từ ngày 26-12-2019 đến nay ông Lê Gia D và bà Đào Thị P không trả gốc và lãi cho ngân hàng theo đúng cam kết trong hợp đồng mà còn bỏ đi khỏi địa phương là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Do vậy, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông Lê Gia D và bà Đào Thị P trả toàn bộ tiền nợ (tạm tính đến ngày 15-5-2020): 489.143.835đ (*Bốn trăm tám mươi chín triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng*), trong đó: nợ gốc là: 400.000.000 đồng, nợ lãi là: 89.143.835 đồng và ông Lê Gia D và bà Đào Thị P còn phải trả toàn bộ nợ lãi phát sinh theo HĐTD nêu trên từ sau ngày 15-5-2020 cho đến khi trả hết nợ vay.

Trường hợp ông Lê Gia D và bà Đào Thị P không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để ngân hàng thu hết nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên, xử lý các nguồn thu, tài sản khác của bị đơn để thu hồi nợ.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01-4-2021 thể hiện: Qua kiểm tra, xác minh, đo đạc trên thực tế và ráp bản đồ thể hiện: Đặc điểm tứ cận thửa đất xem xét, thẩm định đúng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 836495 của thửa đất số 32, tờ bản đồ số 55, diện tích 17.290m^2, tọa lạc tại thôn R, xã Đ, huyện Đ mà ông Lê Gia D thế chấp tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Gia D và bà Đào Thị P trả số tiền là 567.332.876 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, lãi đến ngày 11-8-2021 là 167.332.876 đồng, đồng thời các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ ngày 12-8-2020 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức lãi suất, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do chậm trả lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Ngoài ra, Ngân hàng đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng nếu ông Lê Gia D và bà Đào Thị P không thực hiện

hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ; Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để ngân hàng thu hết nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên, xử lý các nguồn thu, tài sản khác của bị đơn để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn ông Lê Gia D và bà Đào Thị P: Kết quả xác minh xác định ông Lê Gia D và bà Đào Thị P đã đi khỏi địa phương nhưng không thông báo về việc thay đổi nơi thường trú, tạm trú. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Lê Gia D và bà Đào Thị P bằng các hình thức niêm yết, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, nhưng ông Lê Gia D và bà Đào Thị P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung giải quyết vụ án, phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành quy định, đã đi khỏi địa phương không thông báo về việc thay đổi nơi thường trú, tạm trú.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn ông Lê Gia D và bà Đào Thị P trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ là 567.332.876 đồng đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, lãi đến ngày 11-8-2021 là 167.332.876 đồng, và các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ ngày 12-8-2021 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức lãi suất, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do chậm trả lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ nợ thì nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ; Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để ngân hàng thu hết nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên, xử lý các nguồn thu, tài sản khác của bị đơn để thu hồi nợ.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Bản sao Hồ sơ tín dụng, hồ sơ pháp lý của ngân hàng, hồ sơ khách hàng; là các tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra, còn có một số tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án như bản tự khai của nguyên đơn, biên bản xem xét, thẩm định; kết quả thông báo, triệu tập đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông Lê Gia D và bà Đào Thị P trả số tiền gốc là 400.000.000 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/5422671/HĐTD ngày 26-12-2017, đồng thời yêu cầu xử lý thế chấp và tài sản khác nếu ông Lê Gia D và bà Đào Thị P không trả được nợ nên quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Gia D và bà Đào Thị P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Từ ngày 26-12-2018 ông Lê Gia D và bà Đào Thị P vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 01-12-2020 Ngân hàng khởi kiện là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[1.3]. Về tư cách tham gia tố tụng: Đối với bà Đào Thị P, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tuy nhiên, cần xác định bà Đào Thị P là đồng bị đơn với ông Lê Gia D mới đúng quy định tại khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bởi lẽ, việc vay vốn tại ngân hàng là sử dụng chung cho việc chăm sóc rẫy và tiêu dùng của ông Lê Gia D và bà Đào Thị P, nghĩa vụ trả nợ là nghĩa vụ chung của ông Lê Gia D và bà Đào Thị P, trường hợp ông Lê Gia D và bà Đào Thị P không trả nợ cho ngân hàng là quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng bị cả ông Lê Gia D và bà Đào Thị P xâm phạm. Vì vậy, ngân hàng có quyền yêu cầu cả ông Lê Gia D và Đào Thị P có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng và xác định họ là đồng bị đơn.

[1.4]. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bằng các hình thức như trực tiếp (đối với nguyên đơn); niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (đối với bị đơn) đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, ông Lê Gia D và bà Đào Thị P không có mặt, kết quả xác minh tại địa phương xác định ông Lê Gia D và bà Đào Thị P đã đi khỏi địa phương và không khai báo việc thay đổi nơi thường trú, tạm trú. Như vậy, ông Lê Gia D và bà Đào Thị P đã tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Gia D và bà Đào Thị P vắng mặt đến lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Gia D và bà Đào Thị P theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về nội dung và hình thức của hợp đồng: Ông Lê Gia D và bà Đào Thị P có vay tiền của Ngân hàng B chi nhánh Đăk Nông số tiền 400.000.000 đồng, thể hiện qua Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/5422671/HĐTD ngày 26-12-2017, thời hạn vay là: 12 tháng kể từ ngày 26-12-2017; lịch trả nợ vay như sau: Nợ gốc trả 01 lần khi đến hạn. Nợ lãi trả 03 tháng/lần vào ngày 15 của tháng thuộc kỳ trả nợ; lãi suất cho vay: 10,5%/năm; mục đích vay là chăm sóc cà phê, chăm sóc tiêu, trồng tiêu mới và

vay tiêu dùng. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng B với ông Lê Gia D và bà Đào Thị P có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Gia D và bà Đào Thị P trả tổng số tiền nợ là 567.332.876 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, lãi đến ngày 11-8-2021 là 167.332.876 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng B với ông Lê Gia D và bà Đào Thị P xác định số tiền vay, thời hạn trả nợ và lãi suất thỏa thuận như nguyên đơn trình bày là đúng; Ngân hàng B đã giải ngân cho ông Lê Gia D và bà Đào Thị P số tiền 400.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 26-12-2018 ông Lê Gia D và bà Đào Thị P có trả lãi cho Ngân hàng B số tiền 40.193.151 đồng; sau đó, ông Lê Gia D và bà Đào Thị P không trả cho Ngân hàng B số tiền nợ gốc và lãi còn lại khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng, vi phạm khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo về việc nợ quá hạn, yêu cầu ông Lê Gia D và bà Đào Thị P tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông Lê Gia D và bà Đào Thị P không trả nên việc Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông Lê Gia D và bà Đào Thị P trả nợ là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, phạt chậm trả, phạt vi phạm giữa Ngân hàng B với ông Lê Gia D và bà Đào Thị P theo hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi trên số tiền gốc mà ông Lê Gia D và bà Đào Thị P còn nợ, cụ thể: lãi đến ngày 11-8-2021 là 167.332.876 đồng.

[2.3]. Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2013/HĐTC ngày 22-4-2013 giữa Ngân hàng B với ông Lê Gia D và bà Đào Thị P, thấy rằng: Hợp đồng thế chấp được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 23-4-2013; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 24-4-2013. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 55, diện tích 17.290m^2, tọa lạc tại Thôn 5A3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Lắk, (nay là Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông), theo Giấy chứng nhận QSDĐ quyết sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số W 836495, do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ cấp ngày 25-6-2003, đứng tên hộ ông Lê Gia D. Việc thế chấp đúng quy định theo điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Điều 298, Điều 299, 317, 320 Bộ luật Dân sự. Do đó,

hợp đồng thế chấp được lập giữa Ngân hàng B với ông ông Lê Gia D và bà Đào Thị P là hợp pháp, yêu cầu của khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)* nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ *(Ba triệu đồng),* Tòa án trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định còn dư là 1.000.000đ *(một triệu đồng, (Tòa án đã trả))*.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 298; 299, 317, 320, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ (B).

Buộc ông Lê Gia D và bà Đào Thị P phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ (B) tổng số tiền 567.332.876đ (*Năm trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng*), trong đó: Tiền nợ gốc là 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*), lãi đến ngày 11-8-2021 là 167.332.876đ (*Một trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng*).

Trường hợp ông Lê Gia D và bà Đào Thị P không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP Đ (B) được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông Lê Gia D và bà Đào Thị P để đảm bảo việc thu hồi nợ (*Theo hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐTC ngày 22-4-2013*); trường hợp việc xử lý tài sản của ông Lê Gia D và bà Đào Thị P vẫn không đủ để thu hồi nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu kê biên, xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân khác của ông Lê Gia D và bà Đào Thị P để đảm bảo thu hồi hết nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11-8-2021) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*, do Ngân hàng TMCP Đ (B) đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) nên buộc ông Lê Gia D và bà Đào Thị P phải trả cho ngân hàng số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), Tòa án trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định còn dư là 1.000.000đ *(một triệu đồng, (Tòa án đã trả))*.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông Lê Gia D và bà Đào Thị P phải nộp 26.693.000đ (*Hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 11.783.000đ (*Mười một triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn đồn*g) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005005, ngày 09-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(*Đã ký*)

Mã Thị Kỳ